

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 734/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22-8-2023

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

– **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Ân

2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

– **Thư ký phiên tòa tại điểm cầu trung tâm:** Bà Nguyễn Thị Hiền – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

– **Thư ký phiên tòa tại điểm cầu thành phần:** Ông Nguyễn Ngọc Thọ –
Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

– **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Thuận – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 8 năm 2023 tại các điểm cầu trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban nhân dân xã N, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án thụ lý số: 318/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 428/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Đinh Hữu P, sinh năm: 1993

Địa chỉ: Số 6/12 ấp M, xã N, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có mặt)

2. **Bị đơn:** Bà Ngô Thị Ngọc Y, sinh năm: 1993

Địa chỉ: Số 6/12 ấp M, xã N, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/4/2023 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Đinh Hữu P trình bày:

Ông P và bà Ngô Thị Ngọc Y tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2015, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2015 cấp ngày 31/3/2015. Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, nhưng sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp. Vợ chồng thường hay gây gổ, không có sự tôn trọng và thương yêu, chăm sóc lẫn nhau; tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Cả hai đã sống ly thân. Nay ông P nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với bà Y.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 03 con chung tên là Đinh Văn M1, sinh ngày 15/11/2015 (Giới tính: Nam); Đinh Thiên P1, sinh ngày 22/4/2018 (Giới tính: Nam) và Đinh Gia P2, sinh ngày 22/6/2021 (Giới tính: Nam). Khi ly hôn, ông P đồng ý giao các trẻ M1, trẻ P1 và trẻ P2 cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng. Ông P1 sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ là 2.000.000 đồng/tháng (Hai triệu đồng).

Về tài sản chung, nợ chung: Bà P xác nhận không có.

Theo bản tự khai ngày 07/6/2023 và trong quá trình giải quyết, bị đơn bà Ngô Thị Ngọc Y trình bày: Bà Y xác nhận những lời trình bày của ông P về quan hệ hôn nhân là đúng. Sau khi vợ chồng về chung sống với nhau, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn hòa hợp, ông P có người phụ nữ khác bên ngoài. Tuy nhiên, bà Y vẫn còn tình cảm và thương chồng, thương con; không muốn các con sống không có cha mẹ nên bà Y không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong trường hợp ly hôn, bà Y có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các trẻ Đinh Văn M1; Đinh Thiên P1 và Đinh Gia P2. Ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ là 4.000.000 đồng/tháng (Bốn triệu đồng).

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Y xác nhận không có.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

– Về tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án và về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

– Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Đinh Hữu P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Ngô Thị Ngọc Y; bị đơn cư trú tại xã N, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ vợ chồng: Ông P và bà Y tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2015 cấp ngày 31/3/2015; do đó, có cơ sở xác định hôn nhân giữa ông P và bà Y là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông P xác định giữa ông và bà Y mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, vì vậy ông P yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Y. Hội đồng xét xử xét thấy giữa ông P và bà Y đã từ lâu hai bên ít còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; tình cảm vợ chồng đã không còn, cả hai không có thiện chí đoàn tụ; mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của ông Đinh Hữu P đối với bà Ngô Thị Ngọc Y là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về con chung, khi ly hôn, ông P đồng ý giao các trẻ Đinh Văn M1, sinh ngày 15/11/2015; Đinh Thiên P1, sinh ngày 22/4/2018 và Đinh Gia P2, sinh ngày 22/6/2021. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay các trẻ M1, trẻ P1 và trẻ P2 đang sinh sống cùng với bà Y; việc chăm sóc, nuôi dưỡng do bà Y trực tiếp trông nom, nuôi dạy trẻ nên Hội đồng xét xử xét thấy giao các trẻ M1, trẻ P1 và trẻ P2 cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở; phù hợp với nguyện vọng của trẻ.

Về cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa hai bên đồng ý và thống nhất mức cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ với số tiền là 3.000.000 đồng/tháng (Ba triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận. Ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ là 3.000.000 đồng/tháng (Ba triệu đồng); bắt đầu thực hiện từ ngày 15 tháng 9 năm 2023 cho đến khi phát sinh căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông P và bà Y xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 8; Điều 9; Điều 51; Điều 56, 57, 58; Điều 69; Điều 71; Điều 81, 82, 83, 84, 85, 86; Điều 107; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

I. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đinh Hữu P đối với bà Ngô Thị Ngọc Y.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Đinh Hữu P được ly hôn với bà Ngô Thị Ngọc Y.

Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2015 đăng ký ngày 31 tháng 3 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Đinh Hữu P và bà Ngô Thị Ngọc Y không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao các trẻ Đinh Văn M1, sinh ngày 15/11/2015 (Giới tính: Nam); Đinh Thiên P1, sinh ngày 22/4/2018 (Giới tính: Nam) và Đinh Gia P2, sinh ngày 22/6/2021 (Giới tính: Nam) cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng.

Hằng tháng, vào ngày 15 dương lịch, ông Đinh Hữu P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ là 3.000.000 đồng/tháng (Ba triệu đồng); bắt đầu thực hiện từ ngày 15 tháng 9 năm 2023 cho đến khi phát sinh căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Các bên đương sự thực hiện việc giao nhận tiền cấp dưỡng tại cơ quan chỉ cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp ông Đinh Hữu P chậm thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con thì kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Ngô Thị Ngọc Y cho đến khi thi hành án xong, ông P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Đinh Hữu P có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết có thể xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông P và bà Y xác nhận không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Ông Đinh Hữu P chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0042913 ngày 11/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Đinh Hữu P chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

II. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Bình Chánh;
- UBND X. N, H. Bình Chánh,
- TP. HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khương